

BIỂU 01: DANH SÁCH BỔ SUNG ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ NƯỚC CÔNG NGHIỆP CÓ SỬ DỤNG TỪ NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ CHO SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP MỚI PHÁT SINH PHẢI CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên cơ sở sản xuất công nghiệp	Mục đích sử dụng nước	Tổng lưu lượng (m3/năm)	Tổng tiền/Năm (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Cơ sở chăn nuôi		11.116.823	555.841.163	
1	Công ty TNHH Đầu tư chăn nuôi Bách Mộc Phát	Chăn nuôi	91.980	4.599.000	
2	Công ty CP Diên Hồng Gia Lai	Chăn nuôi	146.000	7.300.000	
3	Công ty TNHH MTV Phúc Huy Gia Lai	Chăn nuôi	54.750	2.737.500	
4	Công ty TNHH chăn nuôi Lộc Phát Gia Lai	Chăn nuôi	73.000	3.650.000	
5	Công ty CP Gia Lai Farms	Chăn nuôi	146.208	7.310.403	
6	Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Duyên	Chăn nuôi	137.861	6.893.025	
7	Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo An Gia Lai	Chăn nuôi	43.800	2.190.000	
8	Công ty CP nông nghiệp công nghệ cao Richky 79	Chăn nuôi	72.270	3.613.500	
9	Công ty TNHH Hòa Phát Hai	Chăn nuôi	219.000	10.950.000	
10	Công ty TNHH MTV TM Thanh Trang Gia Lai	Chăn nuôi	91.250	4.562.500	
11	Công ty CP chăn nuôi bò thịt- bò sữa Cao Nguyên	Chăn nuôi	1.019.445	50.972.250	
12	Công ty TNHH MTV Đầu tư chăn nuôi Bách Mộc Hợp	Chăn nuôi	109.500	5.475.000	
13	Công ty TNHH MTV Ia Pior Tân	Chăn nuôi	73.000	3.650.000	
14	Công ty TNHH MTV Ia Pior Lộc	Chăn nuôi	140.233	7.011.650	
15	Công ty TNHH Nông nghiệp tái tạo HD	Chăn nuôi	145.887	7.294.343	
16	Công ty TNHH Chăn nuôi Nguyên Bảo	Chăn nuôi	134.430	6.721.475	
17	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Thiện	Chăn nuôi	109.865	5.493.250	
18	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Thiện 2	Chăn nuôi	109.865	5.493.250	
19	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Nam Sài Gòn	Chăn nuôi	65.445	3.272.225	
20	Công ty TNHH Nông nghiệp Hùng Minh Gia Lai	Chăn nuôi	138.700	6.935.000	
21	Công ty TNHH Hưng Bảo Nguyên	Chăn nuôi	109.719	5.485.950	
22	Công ty TNHH chăn nuôi Bảo Giang	Chăn nuôi	58.400	2.920.000	
23	Công ty cổ phần chăn nuôi Quang Lộc	Chăn nuôi	73.000	3.650.000	
24	Công ty TNHH Gia Lai Phát	Chăn nuôi	71.175	3.558.750	
25	Công ty TNHH Phú Lộc Phát	Chăn nuôi	81.541	4.077.050	
26	Công ty cổ phần đầu tư Bát Mã	Chăn nuôi	121.180	6.059.000	
27	Công ty TNHH Minh Đức Phát Gia Lai	Chăn nuôi	102.200	5.110.000	
28	Công ty TNHH Hợp Thành Gia Lai	Chăn nuôi	109.500	5.475.000	
29	Công ty TNHH Gia Lai Ba	Chăn nuôi	54.860	2.742.975	
30	Công ty TNHH Đầu tư chăn nuôi HTB	Chăn nuôi	170.886	8.544.285	
31	Công ty TNHH Chăn nuôi Đức Hoàn Một	Chăn nuôi	109.500	5.475.000	
32	Công ty CP phát triển nông nghiệp công nghệ cao DHN Gia Lai	Chăn nuôi	87.600	4.380.000	
33	Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Hoàng Quân Farm	Chăn nuôi	146.000	7.300.000	
34	Công ty TNHH Chăn nuôi Đức Hoàn Một	Chăn nuôi	109.500	5.475.000	
35	Công ty TNHH Hùng Phát Farm Một	Chăn nuôi	582.175	29.108.750	
36	Công ty CP thương mại dịch vụ Nhất Trần	Chăn nuôi	109.500	5.475.000	
37	Công ty cổ phần nông nghiệp NaviFarm	Chăn nuôi	109.500	5.475.000	

STT	Tên cơ sở sản xuất công nghiệp	Mục đích sử dụng nước	Tổng lưu lượng (m3/năm)	Tổng tiền/Năm (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
38	Công ty TNHH MTV TM Thanh Trang Gia Lai	Chăn nuôi	91.250	4.562.500	
39	Công ty cổ phần chăn nuôi Xanh Gic	Chăn nuôi	109.500	5.475.000	
40	Trang trại chăn nuôi heo Năng Vàng Gia Lai 2	Chăn nuôi	127.750	6.387.500	
41	Công ty CP Long Anh Việt Nam	Chăn nuôi heo	131.181	6.559.050	
42	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Thiện 3	Chăn nuôi heo	171.550	8.577.500	
43	Công ty TNHH MTV Lê Hoàng Tiến	Chăn nuôi heo	48.680	2.434.003	
44	Công ty TNHH MTV Khang Lê	Chăn nuôi heo	90.922	4.546.075	
45	Công ty CP PT NN công nghệ cao DHN Gia Lai	Chăn nuôi heo	83.111	4.155.525	
46	Công ty TNHH Đầu tư HTB land	Chăn nuôi heo	100.598	5.029.883	
47	Công ty TNHH Hiệp Phát Cao Nguyên	Chăn nuôi heo	82.417	4.120.850	
48	Công ty TNHH Hòa Phát Bốn	Chăn nuôi heo	225.278	11.263.900	
49	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Kbang	Chăn nuôi heo	200.750	10.037.500	
50	Công ty TNHH Gia Lai Hai	Chăn nuôi heo	43.800	2.190.000	
51	Công ty TNHH Chăn nuôi Đồi Xanh Gia Lai	Chăn nuôi heo	99.371	4.968.563	
52	Công ty TNHH MTV Phát Tài Gia Lai	Chăn nuôi heo	146.000	7.300.000	
53	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Thiện Bảy	Chăn nuôi heo	171.550	8.577.500	
54	Công ty CP Trang trại Trung Tây Nguyên Tám	Chăn nuôi heo	133.225	6.661.250	
55	Công ty Cổ phần phát triển nông nghiệp Công nghệ cao DHN Gia Lai	Chăn nuôi và tưới cây	227.169	11.358.435	
56	Công ty TNHH Nông nghiệp Trường Hải Bình Định	Cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất của Trại heo	1.752.000	87.600.000	
57	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại Bò sữa Bình Định	Cấp nước tưới đồng cỏ phục vụ hoạt động chăn nuôi bò sữa	1.752.000	87.600.000	
II	Sản xuất chế biến thực phẩm		238.345	11.917.250	
1	CN Gia Lai- Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	Cấp nước sản xuất nhà máy chế biến rau quả	54.750	2.737.500	
2	Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	Sơ chế trái cây	72.270	3.613.500	
3	Chế biến tinh bột	Sản xuất tinh bột sắn	73.000	3.650.000	
4	Công ty CP gia súc Lơ Pang	Trồng chuối và sơ chế chuối	38.325	1.916.250	
III	Chế biến mủ cao su		164.250	8.212.500	
1	Công ty TNHH Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức	Chế biến mủ cao su	164.250	8.212.500	

BIỂU 02: ĐIỀU CHỈNH ĐƯA RA KHỎI DANH SÁCH PHẢI CHI TRẢ TIỀN ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ NƯỚC CÔNG NGHIỆP CÓ SỬ DỤNG TỪ NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ CHO SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP ĐÃ THỰC HIỆN KÝ HỢP ĐỒNG ỦY THÁC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên cơ sở sản xuất công nghiệp	Mục đích sử dụng nước	Tổng lưu lượng (m3/năm)	Tổng tiền/Năm (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Công ty cổ phần May Tam Quan	May quần áo	29.200	1.460.000	
2	Công ty CP May Tây Sơn		25.550	1.277.500	
3	ĐNTN Gia Hân	May nệm ghế	18.250	912.500	
4	Công ty TNHH Nhất Vinh		12.410	620.500	
5	Chi nhánh Công ty May Oasis		11.680	584.000	
6	Công ty CP thủy sản Bình Định- Nhà máy chế biến thủy sản An Hải		21.900	1.095.000	
7	Công ty TNHH Fujiwwara		10.950	547.500	
8	Nhà máy may Phù Mỹ- CN Công ty CP Vinatex Đà Nẵng		21.900	1.095.000	
9	Công ty TNHH Hải Long Bình Định	Sản xuất thức ăn chăn nuôi và sinh hoạt	31.755	1.587.750	
10	Công ty TNHH Austfeed Bình Định	Sản xuất và sinh hoạt	12.410	620.500	
11	Công ty TNHH May Hoài Sơn	Hoạt động sản xuất của nhà máy May	18.250	912.500	
12	Công ty TNHH A & B	Hoạt động khai thác mỏ đá vật liệu xây dựng	21.900	1.095.000	
13	Công ty TNHH TMDV Vận tải Nhật Duy	Phục vụ cấp nước hoạt động khai thác mỏ đá núi Giáng và trạm trộn bê tông	18.250	912.500	
14	Công ty cổ phần bê tông An Phát	Phục vụ cấp nước hoạt động trạm trộn bê tông	14.600	730.000	
15	Công ty cổ phần may Hoài Ân	Phục vụ cấp nước sinh hoạt và hoạt động sản xuất của nhà máy may Hoài Ân	10.950	547.500	